

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 23/01/2026 của Bộ Chính trị về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Căn cứ văn bản số 06-CTr/ĐUB ngày 25/3/2026 của Đảng ủy Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Chương trình hành động của Đảng ủy Bộ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV

của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cơ quan công tác DTTG các tỉnh, thành phố;
- Đảng ủy Bộ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Công TTĐT thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nông Thị Hà

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-BDTTG ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng thể hiện rõ những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để cụ thể hoá quan điểm, đường lối, định hướng và nội dung liên quan của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo (DTTG), bảo đảm phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), vùng đồng bào tôn giáo giai đoạn 2026-2030; tạo sự thống nhất trong toàn hệ thống cơ quan, đơn vị thuộc Bộ DTTG trong việc quán triệt và triển khai cụ thể hóa những nội dung của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, nhằm nâng cao năng lực điều hành, quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đề ra, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của đất nước giai đoạn 2026-2030.

2. Chương trình hành động của Bộ DTTG là căn cứ để các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ tham mưu cho Bộ ban hành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, chính sách, đề án, quy định, quy chế để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải được triển khai, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước đã đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn việc triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng với các Chỉ thị, Nghị quyết, chỉ đạo khác của Trung ương; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Bộ, yêu cầu các đơn vị phải nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, các quan điểm chỉ đạo theo Nghị quyết Đại hội XIV, trong đó đặc biệt chú trọng 12

định hướng phát triển đất nước và 03 đột phá chiến lược; tập trung với quyết tâm cao, linh hoạt, khoa học và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành, quyết liệt trong hành động theo phương châm **“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, gần dân, vì dân”**; tăng cường xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu; xây dựng Bộ DTTG liêm chính, hành động, kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, quyết tâm bút phá, thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết XIV của Đảng; xây dựng các đơn vị hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh, toàn diện, bền vững vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về hoàn thiện thể chế, xây dựng chính sách, pháp luật

Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo thành các chính sách pháp luật, chương trình, đề án. Tập trung hoàn thành, trình Quốc hội thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi); phối hợp đánh giá, tổng kết Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tín ngưỡng, tôn giáo; đề xuất ban hành Nghị quyết mới về công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

Tập trung xây dựng thể chế theo Chương trình công tác hằng năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đảm bảo tiến độ, chất lượng. Nâng cao hiệu quả xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật về lĩnh vực dân tộc và tôn giáo. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách dân tộc, tôn giáo giai đoạn 2026 - 2030; rà soát, tích hợp các chính sách có cùng lĩnh vực, đối tượng, nội dung, địa bàn để tránh chồng chéo, tăng hiệu quả khi triển khai thực hiện.

2. Về công tác dân tộc

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035 với các nội dung cụ thể: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN; hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN; thực hiện các chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Đẩy mạnh phát triển toàn diện văn hoá, con người Việt Nam cho đồng bào DTTS, đồng bào tôn giáo trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội vùng DTTS&MN, vùng đồng bào tôn giáo; phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho Nhân dân vùng DTTS&MN; phối hợp nắm bắt, khắc phục kịp thời thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh xảy ra ở vùng DTTS; chủ động nắm bắt tình hình các địa bàn nhạy cảm về an ninh, trật tự, kịp thời tham mưu xử lý những vấn đề phát sinh, không để xảy ra các điểm nóng, phức tạp.

- Tăng cường phối hợp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người DTTS trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045”. Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người DTTS; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em đồng bào DTTS&MN.

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, ban hành, sửa đổi và tổ chức thực hiện các chính sách: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, có cơ chế để phụ nữ người DTTS tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

3. Về công tác tôn giáo

- Tổ chức triển khai Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi) sau khi được ban

hành; thực hiện hiệu quả các chính sách tín ngưỡng, tôn giáo; tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người dân; bảo đảm các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng quy định của pháp luật, hiến chương và điều lệ đã được Nhà nước công nhận.

- Hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức Đại hội và sửa đổi Hiến chương để phù hợp với mô hình mới. Đảm bảo môi trường hoạt động tôn giáo ổn định, hạn chế hoạt động lợi dụng tôn giáo của các tổ chức, cá nhân phi tôn giáo. Làm tốt việc chấp thuận cho các tổ chức tôn giáo thành lập trường, mở lớp đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo có đủ nhân sự quản lý và tổ chức các hoạt động tôn giáo. Hướng dẫn các tổ chức tôn giáo phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, chuyển chuyển, xây dựng, sửa đổi hiến chương, điều lệ, hướng dẫn đăng ký sinh hoạt tôn giáo hằng năm theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn, quản lý các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo chương trình đã đăng ký với chính quyền, phù hợp với nghị quyết các đại hội theo nhiệm kỳ, hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, nhất là các hoạt động tôn giáo được tổ chức với quy mô lớn, trang trọng như: lễ Phật đản, lễ Vu lan, lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh, lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, lễ kỷ niệm ngày khai đạo của các tôn giáo, lễ hội Ka-tê, tháng Ramadan...

- Phát huy những giá trị tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước (nguồn lực về vật chất, tinh thần, nguồn nhân lực...). Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng các cơ sở thờ tự, tôn giáo; rà soát, quy hoạch, bố trí đất dành cho tôn giáo, tín ngưỡng đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, đúng mục đích sử dụng, phù hợp với quy hoạch chung và có sự hài hòa giữa sinh hoạt tôn giáo và phát triển kinh tế - xã hội.

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động các vị chức sắc, chức việc, tín đồ thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; không để xảy ra các hoạt động mê tín dị đoan, biến tướng, lệch chuẩn tâm linh hoặc lợi dụng các hoạt động tâm linh nhằm trục lợi. Hướng dẫn, quản lý và vận động tôn giáo tham gia thực hiện các hoạt động an sinh xã hội và từ thiện theo quy định. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tôn giáo của các tổ chức, cá nhân để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Chủ động trong phòng ngừa, giải quyết xung đột liên quan đến tôn giáo và việc lợi dụng tôn giáo của các đối tượng xấu nhằm gây mất đoàn kết tôn giáo, dân tộc, phương hại đến đời sống và tình hình đất nước ở Việt Nam.

4. Tập trung thực hiện, hoàn thành các dự án và giải ngân 100% vốn đầu tư công

Có giải pháp huy động nguồn lực dân tộc, tôn giáo như nguồn nhân lực, nguồn lực tinh thần (văn hóa bản sắc truyền thống của đồng bào DTTS; văn hóa, đạo đức của các tôn giáo), nguồn lực vật chất (các cơ sở thờ tự, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, các trường học, cơ sở y tế của các tôn giáo...); nguồn lực tài chính...

cho sự nghiệp phát triển đất nước. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, phân đầu giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch được giao.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, ứng dụng hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử; phân đầu nâng cao chỉ số đánh giá về Chính phủ điện tử với cả ba nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến (OSI), hạ tầng viễn thông (TII) và nguồn nhân lực (HCI); phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá, cung cấp thông tin chính xác, cập nhật về tình hình xây dựng, triển khai Chính phủ điện tử của Bộ DTTG.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ DTTG, gắn với việc đổi mới phương thức điều hành tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý nhà nước; tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2026-2030; đẩy mạnh việc áp dụng quy trình quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001:2015, sử dụng, khai thác hiệu quả phần mềm Hệ điều hành tác nghiệp, tiếp tục nâng cấp Cổng thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Bộ DTTG.

- Xây dựng các nền tảng số tập trung, thống nhất, phục vụ quản lý toàn diện của Bộ DTTG, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt với Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Triển khai Chiến lược chuyển đổi số của Bộ DTTG, Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030. Phát triển Chính phủ số, tối ưu hóa hoạt động nội bộ, 100% hồ sơ công việc tại Bộ được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật); 90% các cuộc họp được thực hiện thông qua các nền tảng số; giảm 30% chi phí hoạt động nhờ tự động hóa quy trình. Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế số trong vùng đồng bào DTTS thông qua các nền tảng cung cấp thông tin, tri thức và hỗ trợ các mô hình kinh tế phù hợp trên môi trường số. Phát triển Xã hội số, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện; đảm bảo người dân và các tổ chức tôn giáo có thể tương tác với Bộ trên môi trường số một cách thuận lợi, minh bạch; nỗ lực nâng cao kỹ năng số cho cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo và người dân.

6. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

- Tiếp tục tăng cường công tác hợp tác quốc tế về công tác dân tộc, tôn giáo theo các Thỏa thuận hợp tác đã ký giữa Bộ DTTG và cơ quan dân tộc, tôn giáo

các nước, khu vực và thế giới. Đồng thời tìm kiếm, mở rộng quan hệ với các đối tác khác trong khu vực và trên thế giới như: Ấn Độ, Úc, Ai-Len, Newzealand, Nhật Bản, nhằm thu hút có hiệu quả các nguồn lực đầu tư vào vùng đồng bào DTTS&MN.

- Củng cố và mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế; duy trì mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, sự hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia về lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nội dung thỏa thuận với các đối tác truyền thống (các quốc gia: Lào, Trung Quốc, Campuchia, Myanmar, Thái Lan...) và các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, làm cầu nối thúc đẩy hợp tác kinh tế - văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học và hỗ trợ qua các chương trình dự án phát triển, góp phần thiết thực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực và kinh tế - xã hội của vùng đồng bào DTTS&MN.

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc; thực hiện Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD); Kế hoạch triển khai thực hiện các khuyến nghị của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc...

- Tăng cường các hoạt động đối ngoại tôn giáo, triển khai thực hiện đúng nguyên tắc góp phần khẳng định chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; thúc đẩy ngoại giao Nhân dân; chủ động hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tham gia các diễn đàn tôn giáo thế giới và khu vực phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về những thành tựu đạt được trong công tác nhân quyền; quyết tâm chính trị, chính sách, biện pháp và chương trình của Chính phủ Việt Nam trong việc bảo đảm quyền của các DTTS trên mọi lĩnh vực. Từ những thành tựu đã đạt được, đồng bào các DTTS luôn nhận thức sâu sắc tình cảm và trách nhiệm của Đảng, Chính phủ, Nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế.

7. Kiện toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo từ Trung ương đến địa phương đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ DTTG phù hợp với cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI.

- Tập trung xây dựng “Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS”; phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức triển khai thực hiện “Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035”. Tăng cường đầu tư, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên nhằm phát triển Học viện Dân tộc, các trường chuyên biệt trực thuộc Bộ để nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực DTTS, bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống

chính trị công tác ở vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đồng bào tôn giáo.

- Tiếp tục tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo từ Trung ương tới cơ sở tinh thông nghiệp vụ, tâm huyết, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có năng lực và đủ tiêu chuẩn phù hợp quy định của pháp luật, được bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các cấp.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ công chức, viên chức trong triển khai thực hiện công vụ. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chỉ đạo của cấp trên, các nhiệm vụ giao cho đơn vị mình quản lý. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức tiêu cực, nhũng nhiễu, không chấp hành kỷ luật, kỷ cương.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao vai trò giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, tập trung chỉ đạo giải quyết những kiến nghị chính đáng của Nhân dân.

8. Công tác pháp chế, kiểm tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng công tác pháp chế và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (được sửa đổi, bổ sung một số Điều bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ), nhất là công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế, tổ chức thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; dịch văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng DTTS; thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; triển khai Đề án 233¹; nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào vùng DTTS&MN.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tham nhũng và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi tham nhũng, bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất, giải quyết kịp thời những vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh.

¹ Quyết định 233/QĐ-TTg ngày 03/2/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.

9. Công tác khoa học, công nghệ và môi trường

- Rà soát, chuyển giao, đưa vào ứng dụng kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia “Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”, để phát huy hiệu quả trong quá trình xây dựng chính sách, phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tăng cường nghiên cứu, phát triển và ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Nâng cao chất lượng thông tin thống kê, chế độ báo cáo thống kê của ngành, thực hiện tốt cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin thường xuyên, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, kịp thời phục vụ theo dõi nắm tình hình, điều chỉnh xây dựng chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp.

10. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Tích cực phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền trong vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đồng bào tôn giáo sát thực tiễn, phù hợp với bản sắc văn hóa các vùng, miền; phát huy vai trò già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào DTTS về công tác thông tin, tuyên truyền. Thông tin, tuyên truyền kịp thời, chính xác đến đồng bào DTTS&MN, đồng bào tôn giáo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; công tác dân tộc, tôn giáo, kết quả triển khai thực hiện chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, những thành tựu phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng của đất nước nói chung, vùng DTTS&MN nói riêng.

- Tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS&MN, đồng bào tôn giáo thực hiện tốt các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực lao động sản xuất, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hoà nhập phát triển cùng dân tộc, tham gia đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, không tiếp tay vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng sản xuất các chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS&MN, đồng bào tôn giáo, đặc biệt bằng ngôn ngữ của các DTTS để tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước

trên các nền tảng mạng xã hội để đến với đồng bào DTTS nhanh nhất, hiệu quả nhất; chú trọng việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng sử dụng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng DTTS) trên các phương tiện thông tin đại chúng tập trung, các kênh phát thanh - truyền hình chính thống của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật ở vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đồng bào tôn giáo để nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật ở những địa bàn này.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác thông tin, tuyên truyền, vận động và phổ biến giáo dục pháp luật; tập trung tuyên truyền bằng tiếng DTTS, sử dụng chữ viết DTTS đã có chữ viết để tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trên các nền tảng mạng xã hội để đến với đồng bào DTTS nhanh nhất, hiệu quả nhất; chú trọng việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng sử dụng ngôn ngữ hai dân tộc (tiếng Việt và tiếng DTTS) trên các phương tiện thông tin đại chúng tập trung các kênh phát thanh - truyền hình chính thống của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và những nội dung của Kế hoạch hành động này, thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ chủ động xây dựng các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì và bố trí nhân lực, phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để tổ chức thực hiện, đảm bảo tiến độ, bám sát các nội dung được nêu trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo; hàng năm tổ chức đánh giá tình hình triển khai, định kỳ 03 năm tổ chức sơ kết, 05 năm tổ chức tổng kết, đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với tình hình cụ thể; báo cáo kết quả thực hiện đảm bảo thời gian quy định gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

2. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình hành động đã đề ra; báo cáo kiến nghị với Bộ trưởng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo Chương trình hành động được thực thi hiệu quả.

3. Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ kết quả thực hiện Chương trình hành động này của các đơn vị làm tiêu chí đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng hàng năm./.

Phụ lục I
CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ
HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BD TTG ngày tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

1. Đến năm 2030 thu nhập bình quân của người DTTS bằng $\frac{1}{2}$ bình quân chung của cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xuống dưới 10%; phần đầu vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.²

2. Giải quyết căn bản tình trạng đồng bào DTTS di cư không theo kế hoạch; hoàn thành quy hoạch đất ở, cơ bản di dời, bố trí ổn định nhà ở, đất ở cho hộ đồng bào DTTS đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, vườn quốc gia, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở³.

3. Đến năm 2030 có trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH và đời sống người dân⁴.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông.
- 100% thôn có đường trục chính được cứng hoá.
- 100% thôn có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm.
- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.
- 100% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 20% sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn.
- 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;
- Từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ internet, hạ tầng số của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

4. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3%

² Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 -2035.

³ Mục 2.1. Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 -2035).

⁴ Mục 1.2. Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (QĐ 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; Có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ⁵.

5. Nâng cao năng lực, nhận thức về kiến thức số, chuyển đổi số đối với đồng bào DTTS, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS chủ động tiếp cận với các dịch vụ trực tuyến, dịch vụ an sinh xã hội⁶.

⁵ Mục 1.3. Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (QĐ 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

⁶ Mục 1.6. Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn (QĐ 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Phụ lục II
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH CHỦ YẾU
(Kèm theo Quyết định số: 220 /QĐ-BD TTG ngày 20 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

STT	Tên nhiệm vụ, đề án/chương trình	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
1	Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương tổng kết Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành TW khóa IX về công tác dân tộc ⁷ .	Vụ Chính sách	Các đơn vị liên quan	Tháng 4/2027	Đảng ủy Chính phủ	Báo cáo, Nghị quyết
2	Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương tổng kết Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành TW khóa IX về công tác tín ngưỡng, tôn giáo.	Ban Tôn giáo Chính phủ	Các đơn vị liên quan	Năm 2027	Đảng ủy Chính phủ	Báo cáo, Nghị quyết

⁷ Nghị quyết số 36/NQ-CP ngày 6/3/2026 của Chính phủ về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 02/2026.

STT	Tên nhiệm vụ, đề án/chương trình	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
3	Phối hợp tổng kết Chỉ thị số 18- CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 ⁸ của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới.	Ban Tôn giáo Chính phủ	Các đơn vị liên quan	Theo quy định của Trung ương	Đảng ủy Chính phủ	Báo cáo
4	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi)	Ban Tôn giáo Chính phủ	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 03/2026	Chính phủ	Hồ sơ dự án Luật (Chính phủ trình Quốc hội)
5	Nghị định quy định về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Vụ Chính sách	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 05/2026	Chính phủ	Nghị định
6	Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ DTTG nhiệm kỳ 2026-2031.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan	Quý II/2026	Chính phủ	Nghị định

⁸ Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo, giao Ban Dân vận Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương) thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện nghị quyết; trong quá trình thực hiện, kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị để điều chỉnh, bổ sung cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết.

STT	Tên nhiệm vụ, đề án/chương trình	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
7	Nghị định về Công tác dân tộc	Vụ Pháp chế	Các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Chính phủ	Nghị định
8	Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi)	Ban Tôn giáo Chính phủ	Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Chính phủ	Nghị định
9	Tham mưu ban hành Nghị định về quản lý chi chính trị phí đặc thù lĩnh vực dân tộc, tôn giáo ⁹	Ban Tôn giáo Chính phủ, Văn phòng Bộ	Các đơn vị liên quan	Năm 2026	Chính phủ	Nghị định
10	Nghị định xác định các dân tộc còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2031-2035	Văn phòng quốc gia về DT&MN	Các đơn vị liên quan	Tháng 9/2030	Chính phủ	Nghị định
11	Nghị định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2031 - 2035	Văn phòng quốc gia về DT&MN	Các đơn vị liên quan	Tháng 9/2030	Chính phủ	Nghị định

⁹ Hợp nhất 2 văn bản về quản lý, chi tiêu chính trị phí hiện nay (lĩnh vực dân tộc theo Nghị định 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 về sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc hoạt động tại Việt Nam.

STT	Tên nhiệm vụ, đề án/chương trình	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
12	Nghị quyết của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Quý IV/2027	Chính phủ	Nghị quyết
13	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Vụ KH-TC	Các đơn vị liên quan	Tháng 03/2026	Thủ tướng Chính phủ	Chỉ thị
14	Đề án “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo”	Vụ Chính sách	Các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
15	Đề án tạo việc làm, phát triển dịch vụ, kết nối lao động bền vững vùng DTTS giai đoạn 2026-2031	Vụ Chính sách	Các đơn vị liên quan	Tháng 9/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
16	Đề án tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng,	Vụ Tuyên truyền công tác	Các đơn vị liên quan	Quý III/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định

STT	Tên nhiệm vụ, đề án/chương trình	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
	Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2026-2030	dân tộc và tôn giáo				
17	Đề án tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2035	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan	Tháng 11/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
18	Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN	Học viện Dân tộc	Trung tâm Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
19	Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS	Vụ Chính sách	Các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
20	Danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan	Quý II/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
21	Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của	Ban Tôn giáo Chính phủ	Các đơn vị liên quan	Theo đề nghị của Bộ Tài chính	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định

STT	Tên nhiệm vụ, đề án/chương trình	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
	Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động tại Việt Nam.	Ban Tôn giáo Chính phủ				
22	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách các đơn vị sự nghiệp công của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan	Quý II/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
23	Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2027-2031”	Ban Tôn giáo Chính phủ	Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan	Tháng 12/2026	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
24	Quyết định của Bộ trưởng Bộ DTTG phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030.	Văn phòng quốc gia về dân tộc và miền núi	Các đơn vị liên quan	Tháng 3//2026	Bộ trưởng Bộ DTTG	Quyết định
25	Quyết định của Bộ trưởng Bộ DTTG phê duyệt và công bố danh sách tỉnh vùng đồng bào	Văn phòng quốc gia về dân tộc và miền núi	Các đơn vị liên quan	Quý II/2026	Bộ trưởng Bộ DTTG	Quyết định

STT	Tên nhiệm vụ, đề án/chương trình	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
	DTTS&MN giai đoạn 2026-2030.					
26	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035.	Văn phòng quốc gia về dân tộc và miền núi	Các đơn vị liên quan	Từ năm 2026-2030	Thủ tướng Chính phủ (Bộ Nông nghiệp và MT chủ trì trình, Bộ DTTG phối hợp)	Báo cáo
26.1	Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026-2030 trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.	Văn phòng quốc gia về dân tộc và miền núi	Các đơn vị liên quan	Quý II/2026	Bộ trưởng Bộ DTTG	Thông tư
26.2	Thông tư hướng dẫn giám sát, đánh giá trình độ phát triển vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030.	Văn phòng quốc gia về dân tộc và miền núi	Các đơn vị liên quan	Quý II/2026	Bộ trưởng Bộ DTTG	Thông tư
26.3	Xây dựng Hợp phần thứ 2: các nội dung đặc thù phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông	Văn phòng quốc gia về dân tộc và miền núi	Các đơn vị liên quan	Năm 2030	Thủ tướng Chính phủ (Bộ Nông nghiệp và MT chủ trì trình, Bộ DTTG phối hợp)	Báo cáo

STT	Tên nhiệm vụ, đề án/chương trình	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
	thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn II: Từ năm 2031-2035.					